

KHU CHẾ XUẤT VÀ VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH

**THE EXPORT PROCESSING ZONE AND VIETNAM
AFTER THE WAR**

.Phu truong Tinh huan "KINH TE DOI NGOAI"

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC
VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TRUNG ƯƠNG

LỜI GIỚI THIỆU

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại là một chính sách kinh tế lớn của Đảng và nhà nước ta. Việc ban hành luật đầu tư tháng 12-1987 là sự cụ thể hóa đường lối và chính sách đó nhằm mở rộng hợp tác kinh tế với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu trên cơ sở khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, sức lao động và các tiềm năng khác của đất nước phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để giúp bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo về vấn đề kinh tế đối ngoại, Viện Thông tin Khoa học và Kỹ thuật Trung ương phối hợp với Ban KHKT Hải Phòng phát hành cuốn "Khu chế xuất và Việt Nam sau chiến tranh" (The Export Processing Zone and Vietnam after the War) do NXB Mỹ VBS Publications International ấn hành năm 1988, làm phụ trương của tổng luận "Kinh tế đối ngoại" do Viện Thông tin KHKT TW phát hành năm 1988. Tác giả cuốn sách, ông Võ Tá Hân, là Việt kiều, cựu nhân khoa học quản lý, Học viện Kỹ thuật Massachusetts Hoa Kỳ (MIT), hiện là Tổng giám đốc Công ty hữu hạn Tài chính Singapore thuộc tập đoàn Hong Leong.

Nội dung cuốn sách đề cập đến những vấn đề kinh tế đối ngoại của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam; giới thiệu loại hình Khu Chế xuất, những thành công của nó ở Kaohsiung (Đài Loan) và suy nghĩ của tác giả về việc lập các khu chế xuất ở Việt Nam.

Do năng lực và thời gian biên tập có hạn, tài liệu này chắc còn nhiều thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được sự phê bình và góp ý của bạn đọc.

Ban Biên tập.

KHU CHẾ XUẤT VÀ VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH

THE EXPORT PROCESSING ZONE AND VIETNAM

AFTER THE WAR

By VÕ TÁ HÂN

MỤC LỤC:

PHẦN MỘT: VIỆT NAM HẬU CHIẾN ĐỐI PHÓ VỚI NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ

- I. DIỄM QUA TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM
- II. NHỮNG VẤN ĐỀ THƯƠNG MẠI Ở CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN
 - A. Vấn đề xuất khẩu hàng hóa
 - B. Vấn đề thay thế hàng nhập khẩu
 - C. Vấn đề đa dạng hóa xuất khẩu
- III. VẤN ĐỀ NHÂN LỰC VÀ CẨN CẨN THANH TOAN SAU CHIẾN TRANH
 - A. Vấn đề nhân lực sau chiến tranh
 - B. Vấn đề cẩn cẩn thanh toán

PHẦN HAI: KHU CHẾ XUẤT: MỘT VÍ DỤ THÀNG LỢI Ở KAOHSIUNG, ĐÀI LOAN

- I. PHÁT TRIỂN KHU CHẾ XUẤT
 - A. Một vai định nghĩa
 - B. Cảng tự do và Khu chế xuất
 - C. Lý luận kinh tế về Khu chế xuất (KCX)
- II. NGHIÊN CỨU VỀ KHU CHẾ XUẤT KAOHSIUNG (ĐÀI LOAN)
 - A. Diễn giải chung về KCX
 - B. Quản lý và Giám sát KCX
 - C. Tiếp nhận vào Khu
 - D. Thuế và phí

E. Quy tắc ngoại hối và giao dịch Ngân hàng

F. Quản lý lao động

G. Thành tích của KCX

PHẦN BA: KHU CHẾ XUẤT VÀ VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH

I. XÂY DỰNG MỘT MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ THUẬN LỢI

A. Chính trị ổn định

B. Luật đầu tư hấp dẫn

C. Một môi trường thuận lợi cho các nhà kinh doanh địa phương

II. CHUẨN BỊ KHU CHẾ XUẤT

A. Địa điểm của KCX

B. Đầu tư xây dựng một KCX

C. Biên pháp khuyến khích với nhà đầu tư nước ngoài

D. Lựa chọn sản phẩm xuất khẩu

E. Lựa chọn nhà đầu tư nước ngoài

III. QUẢN LÝ KHU CHẾ XUẤT

A. Tổ chức một KCX

B. Văn đề Chính sách Lao động

IV. NHẬN XÉT KẾT LUẬN

Phụ lục và các qui định

MỘT VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ

LỜI MỞ ĐẦU

Nhìn vào lịch sử của nhiều nước trên thế giới, người ta không thể không ngạc nhiên tự hỏi tại sao lại có nước đã phát triển nhanh trong khi một nước khác lại lạc hậu. Tại sao nước Nhật lại có thể trở thành một cường quốc công nghiệp lớn trong khi Việt Nam lại không thể tiến lên, mặc dù cả hai gần như đã ở vào một vị trí tương tự như nhau trước thế kỷ 19? Ta không thể dễ dàng tìm ra được câu trả lời, vì việc phát triển kinh tế là một quá trình phức tạp ghê gớm. Trong một vài thập kỷ vừa qua, đã có nhiều sách báo viết về đề tài phát triển kinh tế, tuy nhiên vẫn chưa có được sự tổng hợp quan trọng nào. Vào những năm đầu tiên, việc thiếu vốn thường được coi là sự trở ngại nghiêm trọng nhất trong phát triển kinh tế. Quan điểm này gần đây không còn được nhấn mạnh đến nhiều mà thay vào đó người ta đã nhấn mạnh nhiều đến ảnh hưởng của con người trong việc tăng trưởng kinh tế, như tổ chức xã hội, giáo dục và kinh doanh.

Một trong số quan điểm khái quát cho rằng các nước kém phát triển bị sa vào vòng luẩn quẩn trong sự nghèo đói và đinh trệ. Ở dạng đơn giản nhất, thuyết này cho rằng do mức thu nhập thấp của nước nghèo đói đã không thể tiết kiệm được, ngược lại còn cản trở việc tích lũy vốn, do đó ảnh hưởng đến mức đầu tư và không thể tăng thêm thu nhập được. Tuy nhiên quan điểm này trong những năm gần đây đã bị kịch liệt phê phán vì nó đã không thể giải thích được sự tồn tại của các nước đã phát triển đầu tiên trên thế giới, tất cả những nước này đều đã bắt đầu từ những điều kiện thấp kém; Trong khi những lý thuyết mới vẫn còn đang được đưa ra, chúng ta có thể kết luận một cách an toàn như giáo sư P.T. Bauer nói đến trong bài "Vòng luẩn quẩn của nghèo đói" xuất bản năm 1960 "không có một qui tắc nào chung hay một quyển hạn qui định nào đảm bảo cho tất cả các nước hoặc khu vực nào phải đạt được mức như nhau trong thành tựu kinh tế hoặc cùng có tốc độ tiến bộ vào bất kỳ thời điểm hoặc thời kỳ nào. Những tiến bộ và thành tựu kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào phẩm chất và thái độ con người, vào cơ chế xã hội và chính trị là nguồn gốc, theo kinh nghiệm lịch sử, và cũng còn phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và vào nhiều yếu tố khác. Trong thành tựu kinh tế không có gì là ngạc nhiên, bất bình thường hoặc đáng trách trong sự cách biệt cả".

Trong lúc khó mà tìm ra tại sao mỗi dân tộc lại phát triển khác nhau, hình như vẫn tồn tại trong lịch sử của nhiều nước, trong những giai đoạn thời gian nhất định khi những

nước này thực sự cát cánh và phát triển ghê gớm, mau chóng thay đổi thoát khỏi tình trạng cũ. Nước Mỹ sau chiến tranh nội chiến, Mê-hi-cô giữa những năm 1900 và 1910, và nước Nhật sau khi tiếp xúc với phương Tây vào thế kỷ 19 chỉ là một vài ví dụ.

Trường hợp Việt Nam, điểm "cát cánh" thứ nhất có thể được tính vào đầu thế kỷ 19 khi lần đầu tiên được tiếp xúc với nền văn minh Tây Phương. Không giống như trường hợp của Nhật, kinh nghiệm cay đắng của người Việt Nam trở thành đau đớn nghiêm trọng. Do bỏ qua dịp cát cánh đầu tiên đó, nước Việt Nam đã bước vào một thế kỷ đổ máu, chém giết và tàn phá. Những chính phủ thực dân Pháp đã làm được một ít việc tốt cho Việt Nam, những chính sách của Pháp đã để lại nhiều vết thương sâu sắc mà phải mất nhiều thập kỷ sau mới hàn gắn được. Người Pháp rời Việt Nam năm 1954 để lại một đất nước bị chia cắt và ngày càng tan nát theo nhịp độ tăng lên của cuộc nội chiến.

Với người Việt Nam, hòa bình không chỉ có nghĩa là chấm dứt chém giết và tàn phá. Hòa bình là điều kỳ diệu đối với một dân tộc đã có nhiều thế hệ sinh ra, sống và chết đi trong cuộc chiến tranh vô tận này, một dân tộc đã quá nhiều năm thích ứng với cuộc chiến tranh như là một thực tế khó tránh nổi trong cuộc đời. Do đó cuộc chiến chấm dứt đã đánh dấu một sự kiện quan trọng trong lịch sử kéo dài của nó. Nó còn chấm dứt cả những thế kỷ đen tối và b้า, đầu một thời đại mới sáng sủa và đầy hy vọng mà lần đầu tiên người Việt Nam có thể dồn hết cố gắng và sức lực của họ vào nhiệm vụ tái kiến thiết đất nước và cải thiện số phận của đồng bào họ. Hy vọng này không phải là không có cơ sở vì trong quá khứ nước Việt Nam đã trải qua những thời kỳ không còn gì tồi tệ hơn, nếu xét theo lịch sử Việt Nam, lịch sử đầy cay đắng và nhục nhã nhưng cũng có nhiều chiến thắng và thành tích, sức mạnh tồn tại cơ bản của dân tộc Việt Nam thực sự là to lớn. Chúng ta hãy hy vọng rằng một trong những ngày này, biểu tượng của người Á châu sẽ được bổ sung thêm một nét nữa (cố gắng nữa) với chúng ta và Việt Nam sẽ được liệt kê trong hàng ngũ những nước Công nghiệp Mới trên thế giới.

Cuốn sách nhỏ này chủ yếu là nội dung đã được xem lại từ luận án của tôi tại Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT) nộp năm 1973 một phần đáp ứng các yêu cầu của bằng Thạc Sĩ Khoa học Quản lý. Vì luận án được viết trên 15 năm qua, nhiều số liệu thống kê và tư liệu ngày nay đã lạc hậu; tuy nhiên những nguyên lý và lý thuyết cơ bản vẫn không thay đổi và vẫn còn thích hợp với điều kiện kinh tế hiện tại của Việt Nam. Cuốn sách cơ bản nhằm kiến nghị việc thành lập những Khu Chế Xuất ở Việt Nam, tiếp theo ví dụ thành công của khu chế xuất Kaohsiung ở Đài Loan, như biện pháp đã đạt được bốn

mục tiêu cơ bản, cụ thể là

- a. Xác tiếp phát triển công nghiệp xuất khẩu.
- b. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước.
- c. Tạo ra việc làm mới, và
- d. Tạo điều kiện để chuyển giao kỹ thuật qua việc đầu tư của nước ngoài.

Tôi xin được tỏ lòng biết ơn đến cố vấn luận án của tôi là Giáo sư Richard D. Robinson và Khoa trưởng Thomas M. Hill tại Trường Quản lý Sloan MIT về những ý kiến đóng góp quý báu của họ và việc đóng góp thời gian và nỗ lực một cách đại lượng vào luận án này. Tôi cũng muốn tỏ lòng biết ơn đến những người khác đã giúp đỡ để hoàn thành luận án này, cụ thể như Đại sứ quán Đài Loan và Triều Tiên ở Mỹ, Trung tâm Thương mại Thế giới ở Niu-Yook, và các giáo sư khác của tôi ở MIT. Để cài tiến nội dung luận án này, tôi cũng xin cảm ơn Tiến sĩ Robert Chia của Trường Đại học Quốc gia Singapore về những ý kiến và gợi ý của ông và thư ký của tôi là Amerlyn Sim đã đánh máy và chuẩn bị bản thảo được sửa lại để ấn hành.

Cuối cùng tôi vô cùng biết ơn vợ tôi, Kim Châu, và đến bố mẹ tôi. Luận án này đã được viết trong một thời gian khó khăn nhất trong đời tôi và nếu không có sự hỗ trợ và động viên liên tục thì công việc này đã không thể thực hiện được.

VÕ TÁ HÂN

Cambridge Massachusetts 5-1973

Singapore 10-1988